

Bản án số: 915/2017/HSPT

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Với T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 649/TL-PT ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đức D và các đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Các bị cáo bị kháng nghị:**

1. Nguyễn Đức D, sinh năm 1968; ĐKNKTT: Thôn CT, xã AĐ, huyện AD, T phố Hải Phòng; Tạm trú: Phòng 207, Lô 10 khu Chung cư HH, thôn VK, xã AĐ, huyện AD, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971, có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 29/9/2016; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2016 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1993; Trú tại: Đội 10, xã KS, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Nh và bà Đỗ Thị Đ1; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 29/9/2016, bị tạm giữ từ ngày 30/9/2016 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1983; ĐKNKTT: Số 2/29/158 BĐ, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện AD, thành phố Hải Phòng; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự

do; Con ông Nguyễn Hữu Kh và bà Lê Thị Ng; Vợ là Đào Thị Ánh H, sinh năm 1989, có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2017 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo D, Th: Luật sư Nguyễn Xuân T1 - Văn phòng luật sư 13/5, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Văn Th1 - Công ty luật TNHH Bạch Đằng Giang, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19h30' ngày 29/9/2016 tại phòng 207 lô 10 khu chung cư Hoàng Huy, thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, tổ công tác thuộc Công an huyện An Dương bắt quả tang Nguyễn Đức D, Ngô Quang V, Nguyễn Văn Th có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ tại phòng 207 gồm:

- Thu trong hộp hình trụ tròn để ở góc bên trong cùng bên phải từ cửa vào phòng ngủ của D: 05 túi nilon, kích thước mỗi túi 04 x 02cm bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon, kích thước 04 x 04cm bên trong túi có chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nilon kích thước 02 x 02 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu 1QT) và 01 túi nilon, kích thước 04 x 04cm bên trong có 05 viên nén hình trụ tròn (mẫu 2QT);

- Thu trên sàn phòng ngủ của Nguyễn Đức D: 01 cân tiểu ly vỏ màu đen, mặt cân kim loại màu trắng bạc, 50 túi nilon màu trắng kích thước khác nhau, bên trong không có gì.

- Thu trên gác xép, nóc nhà vệ sinh một túi nilon đỏ để ở trong thùng các tông bên trong túi nilon đỏ có 01 túi nilon màu trắng kích thước 25 x 20cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (mẫu 1KX); 01 túi vải màu đen bên trong có 01 khẩu súng dài khoảng 30cm, chiều ngang 3cm, nòng súng bằng kim loại màu bạc, báng súng ốp nhựa màu đen.

- Thu trong ngăn tủ ở phòng ngủ 01 túi nilon kích thước 5 x 10cm, bên trong có 03 túi nilon kích thước 02 x 02cm và 01 túi nilon kích thước 03 x 03cm, trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng (mẫu 2KX).

Tại bản Kết luận giám định số 71/PC54(MT) ngày 03/10/2016 và số 83/KLGD ngày 10/10/2016 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Trọng lượng chất Methamphetamine trong 29,10 gam mẫu 1QT là 19,74 gam; trọng lượng chất Methamphetamine trong 447,69 gam mẫu 1KX là 269,59 gam; trọng lượng chất Methamphetamine trong 0,86 gam mẫu 2KX là 0,58 gam; 05 viên nén của mẫu 2QT có trọng lượng 1,26 gam có MDMA.

Tại bản Kết luận giám định số 4500/C54 (TT2) ngày 31/10/2016 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: Hàm lượng MDMA trong mẫu ký hiệu 2QT gửi giám định là 19,3%.

Tại bản Kết luận giám định số 4482/C54 (P3) ngày 11/10/2016 của Viện Kỹ thuật Hình sự - Bộ Công an kết luận: Khẩu súng không có số, ký hiệu thu giữ trong vụ án gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 32mm, có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc vũ khí quân dụng. Không đủ cơ sở xác định nơi sản xuất và súng đã được bắn hay chưa. Khẩu súng trên không bắn ra các vỏ đạn, đầu đạn của các vụ án trước hiện đang được lưu trong tàng thư của Viện Khoa học Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, xét hỏi Nguyễn Đức D khai nhận:

D thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 7 năm 2016. Tại nhà D có Nguyễn Văn Th và Ngô Quang V làm nhiệm vụ dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm nước, mở cửa cho khách vào mua ma túy. Th, V được D nuôi ăn, thỉnh thoảng cho sử dụng ma túy, không được D cho tiền. Th đến nhà D từ tháng 7 năm 2016, còn đến nhà D được khoảng nửa tháng thì bị bắt. Th còn có nhiệm vụ cùng D chia nhỏ số ma túy đã mua được để bán cho khách và 2 lần đi Lạng Sơn với D để mua ma túy của H1 (mỗi lần mua khoảng từ 20 đến 50 gam). Có vài lần V là người trực tiếp đưa ma túy cho khách. Tối ngày 29/9/2016, D cùng Nguyễn Văn Th và Ngô Quang V đang ở nhà của D tại phòng 207 lô 10 Khu chung cư Hoàng Huy để đợi khách đến mua ma túy thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Nguồn gốc số ma túy thu giữ tại nhà D là do D mua của người đàn ông tên H1 (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể chỉ biết ở Lạng Sơn) và T "đen" nhà ở Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng về để bán cho khách. D nhiều lần mua ma túy đá của H1 với giá 270 ngàn đồng/1gam và mua ma túy đá của T "đen" với giá 290 nghìn đồng/1gam để bán cho những người nghiện (mỗi lần mua khoảng từ 20 đến 50 gam). D chỉ nhớ 2 lần cuối mua ma túy của T, cụ thể: Lần thứ nhất: Trước ngày bị bắt khoảng 10 ngày, T mang đến nhà bán cho D 20gam ma túy đá, D và Th đã chia nhỏ số ma túy đó ra để bán cho khách. Lần thứ hai: Vào khoảng 17h ngày 29/9/2016, T lại mang đến nhà bán cho D 50gam ma túy đá; sau đó D đưa cho T 30.000.000 đồng để mua của T 05 "đàn ngựa" ("ngựa" nghĩa là ma túy tổng hợp, mỗi "đàn ngựa" là 200 viên). Sau khi T về, D và Th đã dùng cân tiêu ly chia nhỏ số 50gam ma túy đá trên, một số gói D cho vào vỏ hộp sữa, một số gói D để ở phòng ngủ của D. Việc D mua bán ma túy với T hai lần cuối V và Th đều biết.

Ngoài ra D còn mua bán ma túy với hai anh em ruột C1 "Lét", L1 "Lét" nhà ở Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Hàng ngày khi có khách mua ma túy (có thể là khách của D hoặc của L1) D giao ma túy cho L1 đi bán cho khách, khi bán về L1 đưa tiền bán ma túy cho D. Đến khoảng giữa tháng 8 năm 2016, do L1 làm ăn không sòng phẳng nên D không cho L1 bán ma túy nữa. Lần cuối cùng D có đưa cho L1 05gam ma túy đá, L1 đi bán về và đưa cho D 1.600.000 đồng. Đối với C1, khi có khách mua ma túy, D giao ma túy cho C1 để C1 đi bán cho khách nH1 lượng không nhiều, chỉ từ 01 đến 03-04gam. Lần cuối cách ngày bị bắt khoảng 6-7 ngày, D đưa cho C1 03gam ma túy đá. Sau khi bán về C1 đưa cho D 1.200.000 đồng. L1 được D nuôi ăn, cho

sử dụng ma túy, thỉnh thoảng L1 được D cho từ 300.000 - 500.000 đồng. Với C1, D không nuôi ăn, cũng không cho tiền.

Nguồn gốc khẩu súng mà Cơ quan công an thu giữ là D nhặt được ở gần nhà D trước ngày bị bắt khoảng 02 tháng. D cất giấu tại nhà, chưa biết sử dụng vào việc gì. Th và V không biết việc D cất giấu khẩu súng nêu trên.

Xét hỏi Nguyễn Văn Th, Ngô Quang V khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Đức D về vai trò của Th, V, Cường, L1, T trong vụ án và nguồn gốc số ma túy bị thu giữ tại nhà D. Th và V không biết việc D cất giấu 01 khẩu súng tại nhà.

Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th, Ngô Quang V, nhận dạng người qua ảnh T "đen", C1 "Lét", L1 "Lét"; D, Th, V đều nhận dạng được T "đen" là Nguyễn Văn T sinh năm 1983, ĐKKHKT: Số 2/29/158 BD, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng.

Ngày 09/5/2017, Cơ quan điều tra tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Hữu T. Thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Hữu T 02 túi nilon đựng tinh thể màu vàng nhạt có trọng lượng là 6,9gam (mẫu 1KX và 2KX).

Tại bản Kết luận giám định số 2353/C54 (TT2) ngày 11/5/2017 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: Hàm lượng Ketamine trong mẫu ký hiệu 1KX gửi giám định là 2,8%. Hàm lượng Ketamine trong mẫu ký hiệu 2KX gửi giám định là 3%.

Xét hỏi Nguyễn Hữu T khai nhận đã 2 lần bán ma túy cho Nguyễn Đức D như lời khai của D, ngoài ra D còn đưa cho T 30.000.000 đồng để nhờ T mua hộ 5 “đàn ngựa” (“ngựa” là ma túy tổng hợp, mỗi đàn ngựa gồm 200 viên). T đã đưa số tiền trên cho H1 “tró” để mua 5 “đàn ngựa” nhưng H1 chưa đưa ma túy cho T thì H1 đã bị Công an thành phố Hải Phòng bắt (T không biết cụ thể nhà H1 ở đâu chỉ nghe H1 nói nhà ở đường Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Nguồn gốc số ma túy đá T bán cho D do T mua của một người tên Tùng khoảng 37 -38 tuổi ở Quảng Ninh, còn địa chỉ cụ thể Th nào T không biết, T liên lạc với Tùng qua điện thoại khi giao dịch ma túy và Tùng sẽ cho người mang ma túy đến cho T. T mua ma túy đá của Tùng giá 290 nghìn đồng/l gam và mang về bán cho D cũng với giá tiền như trên. T không lấy lãi của D vì D với T là anh em quen thân ngoài xã hội. Hai gói tinh thể màu vàng thu giữ tại nơi ở của T là của Tùng nhà ở Quảng Ninh (không rõ địa chỉ cụ thể) cho T, T để sử dụng ai mua thì sẽ bán.

Xét hỏi Nguyễn Thành L1 khai: Từ tháng 7 năm 2016 đến giữa tháng 8 năm 2016, L1 đã bán thuê ma túy cho Nguyễn Đức D. D giao cho L1 bán với giá 320.000đ/gam ma túy đá, nếu là khách của D thì D dặn Th nào L1 làm như Th, nếu khách mua là của L1 thì L1 bán với giá 350.000đ/l gam ma túy đá, L1 được hưởng 30.000đ/lgam, D không biết việc đó. Đến giữa tháng 8 năm 2016, do L1 hay bớt tiền, bớt ma túy của D nên D không cho L1 bán ma túy nữa. Lần cuối cùng, D đã đưa cho L1 05gam ma túy đá, L1 mang đi bán với giá 350.000đ/lgam ma túy đá, thu được 1.750.000đ, L1 mang về đưa cho D 1.600.000đ, L1 được hưởng 150.000đ. L1 được D nuôi ăn, thỉnh thoảng cho sử dụng ma túy và cho 300.000 - 500.000 đồng. L1 bán ma túy cho khách nhiều lần không nhớ cụ thể là bao nhiêu lần, L1 không biết người mua ma túy của L1 tên là gì, nhà ở đâu. L1 thường bán ma túy cho khách với trọng lượng từ 1-5gam, có 1-2 lần trọng lượng là 10gam. Từ khi không bán thuê ma túy cho D, L1 không

tham gia mua bán ma túy với ai nữa. Thỉnh thoảng L1 có vào đường tàu để mua ma túy hộ Trung và Phấn để về cùng sử dụng tại nhà L1. Sáng ngày 09/5/2017, L1 gọi Trung đến để mua ma túy về cùng sử dụng nhưng chưa kịp mua thì bị bắt. C1 "Lét" là anh ruột L1 thỉnh thoảng có sử dụng ma túy nhưng không tham gia mua bán trái phép chất ma túy,

Ngoài ra, Nguyễn Đức D và Nguyễn Hữu T còn có hành vi mua bán "05 đàn ngựa" (mỗi đàn ngựa là 200 viên ma túy tổng hợp, tổng cộng 1.000 viên ma túy tổng hợp), D giao tiền cho T, T giao tiền cho người có ma túy nhưng người này chưa giao ma túy cho T thì D đã bị bắt. Như vậy, lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và không xác định được trọng lượng số ma túy của lần mua bán trên.

Trần Quang C1 khai: Tối ngày 08/5/2017, C1 đến nhà hai anh em L1 "lét" và C1 "lét" chơi, C1 "lét" mời C1 sử dụng ma túy và cầm 01 túi nilon đựng ma túy đã đổ vào bộ dụng cụ tự chế để cả ba người cùng sử dụng. Sau đó C1 ngủ lại nhà anh em L1, C1 đến trưa ngày 09/5/2017 thì Cơ quan công an vào khám xét nhà L1, C1.

Nguyễn Văn Tr1 khai phù hợp với lời khai của L1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Áp dụng:

- Điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Đức D).

- Điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Văn Th).

- Điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Hữu T).

Xử phạt:

- Nguyễn Đức D 18 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu chung cho cả 02 tội là 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2016, phạt tiền bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Nguyễn Văn Th 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2015, phạt tiền bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước

- Nguyễn Hữu T 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2017, phạt tiền bị cáo 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/7/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-KNPT với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 194 đối với các Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Hữu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu T khai nhận đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "Mua bán trái phép chất ma

túy”, bị cáo Nguyễn Đức D khai nhận đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm đã quy kết, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, quyết định của bản án sơ thẩm, căn cứ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân T phố Hải Phòng, kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Nguyễn Đức D đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là đúng người, đúng tội, không oan.

Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th đã có hành vi mua bán trái phép 477,65 gam Methamphetamne và 05 viên nén có trọng lượng 1,26 gam MDMA. Theo quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi của các bị cáo phải được xét xử theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lượng tinh chất ma túy (290,13318 gam) để xét xử các bị cáo theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự là không đúng với quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hữu T nhiều lần mua bán ma túy với Nguyễn Đức D, tài liệu điều tra còn thể hiện T 02 lần bán ma túy cho D, 01 lần 20 gam, 01 lần 50 gam, tổng cộng 70 gam Methamphetamne. Theo quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo phải được xét xử theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng không thu được ma túy, không giám định được hàm lượng chất ma túy trong 70 gam Methamphetamne nên đã không xét xử bị cáo T về hành vi mua bán này là không đúng với quy định của pháp luật.

Với các căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th, áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T để xét xử và tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th trình bày về tội danh đối với các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Luật sư không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xét xử các bị cáo theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự vì tổng trọng lượng tinh chất ma túy giám định là 290,13319 gam. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 18 năm 06 tháng tù, bị cáo Th 15 năm tù là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T trình bày về tội danh đối với bị cáo không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức D đã thừa nhận có 02 lần mua bán ma túy với T nhưng không nhớ trọng lượng là bao nhiêu, mặt khác không thu giữ được vật chứng, không có căn cứ giám định để chứng minh, quy kết bị cáo T mua bán 70 gam ma túy. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, áp dụng tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 09 năm tù là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, luật sư, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với biên bản bắt giữ quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7/2016, Nguyễn Đức D đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, D thuê Nguyễn Văn Th, Ngô Quang V và Nguyễn Thành L1 giúp sức trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Th có nhiệm vụ cùng D chia nhỏ số ma túy đã mua để bán cho khách, 2 lần đi Lạng Sơn để mua ma túy của H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) và 2 lần mua ma túy (70 gam ma túy đá có T phần Methamphetamine) của Nguyễn Hữu T. Hồi 19 giờ 30 ngày 29/9/2016, Cơ quan Công an đã bắt quả tang tại nhà Nguyễn Đức D, thu giữ các chất ma túy có trọng lượng, giám định hàm lượng tổng các chất ma túy ở thể rắn là 290,13318 gam.

Ngoài ra, Nguyễn Đức D còn có hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Thông tư liên ngành Trung ương số 17 ngày 24/12/2007, số 08 ngày 14/11/2015 và các văn bản hướng dẫn giải quyết, xét xử các tội phạm về ma túy, căn cứ vào kết luận giám định, xác định các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th đã có hành vi mua bán tổng các chất ma túy ở thể rắn là 290,13318 gam và đã áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo là đúng với quy định của pháp luật.

Nguyễn Đức D, Nguyễn Hữu T khai, T đã 02 lần bán ma túy cho D, một lần 20 gam và một lần 70 gam, tổng là 70 gam ma túy đá có T phần Methamphetamine (lượng ma túy này không thu được nên không có cơ sở để giám định xác định hàm lượng). Ngoài ra, T còn mua bán trái phép 6,9 gam tinh thể màu vàng nhạt có chứa 0,20636 gam tinh chất Katamine. Căn cứ hành vi

mua bán trái phép ma túy của bị cáo, kết luận giám định, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Khi quyết định hình phạt tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò tham gia phạm tội của từng bị cáo, xem xét nhân thân, áp dụng tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 18 năm 06 tháng tù, Nguyễn Văn Th 15 năm tù, Nguyễn Hữu T 09 năm tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th; áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T để xét xử và tăng hình phạt đối với các bị cáo là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu T.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức D 18 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2016.

Phạt tiền bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2016.

Phạt tiền bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2017.

Phạt tiền bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nhận